

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST
Ngày 31-3-2022
Về việc ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Cương.
2. Ông Nguyễn Đức Quyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hồng Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mậu Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 31/3/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 138/2021/TLST-HNGĐ ngày 19/10/2021 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 18/02/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14/3/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1974 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn CH, xã ĐK, huyện YT, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh Chu Tiến T, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn TV, xã ĐH, huyện YT, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện, bản ghi ý kiến ngày 26-10-2021 chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị và anh T có được tự nguyện tìm hiểu trước khi tiến tới hôn nhân. Vợ chồng chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐH, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang vào ngày 20/10/1997 sau đó thì về chung sống cùng mẹ chồng tại ĐH. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2002 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T bất đồng quan điểm từ rất nhiều vấn đề trong cuộc sống, anh T hay đi uống rượu, khi say về thì chửi bới, đánh đập vợ con, bỏ bê gia đình. Đến năm 2008 thì anh T bỏ nhà đi đâu không rõ. Chị và gia

đình đã tìm kiếm nhiều nơi nhưng đến nay vẫn không có thông tin gì của anh T. Đến năm 2021 chị đã làm thủ tục yêu cầu tuyên bố anh T mất tích. Tại quyết định số 04/2021/QĐST-VDS ngày 23/9/2021 Tòa án nhân dân huyện Yên Thế đã tuyên bố anh T mất tích. Nay chị thấy hôn nhân thực tế của vợ chồng đã không tồn tại từ năm 2008 cho đến nay, con gái cũng đã trưởng thành nên chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Chu Thị Kim O, sinh ngày 10/8/1998, hiện cháu đã trưởng thành và sống tự lập nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về tài sản, công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ, đã thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng anh Chu Tiến T không có văn bản ghi ý kiến trong hồ sơ vụ án.

* Tại biên bản xác minh ngày 21/10/2021, ông Nguyễn Xuân Khoát - trưởng bản TV, xã ĐH cung cấp: Sau khi kết hôn, chị L và anh T về chung sống tại bản TV, xã ĐH. Đến khoảng năm 2004, 2005 thì vợ chồng mâu thuẫn, chị L về nhà mẹ đẻ tại ĐK sinh sống, đến khoảng năm 2008 thì anh T bỏ đi khỏi địa phương đến nay không thấy về lần nào.

+ *Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn mất tích nên vắng mặt tại phiên tòa.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị L được ly hôn anh T. Về việc nuôi con, tài sản, công nợ: Chị L không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị L xin ly hôn với anh T; anh T có địa chỉ cư trú cuối cùng tại huyện Yên Thế nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc vắng mặt của đương sự: Chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Tòa án đã tiến hành các biện pháp tổng đạt cho anh T nhưng anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị L và anh T.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐH, huyện Yên Thế. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân gia đình. Qua lời khai của chị L, kết quả xác minh tại địa phương nơi anh T cư trú cuối cùng, có đủ cơ sở khẳng định: Hôn nhân thực tế giữa chị L và anh T đã không tồn tại từ năm 2008. Mặt khác, tại quyết định số 04/2021/QĐST-VDS ngày 23/9/2021 Tòa án nhân dân huyện Yên Thế đã tuyên bố anh T mất tích - đây là một trong những căn cứ ly hôn theo quy định tại khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị L về việc xin ly hôn anh T là có cơ sở để chấp nhận.

- Về việc nuôi con: Cháu Chu Thị Kim Oanh đã trưởng thành và phát triển bình T nên không đặt ra xem xét việc nuôi con chung.

- Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 của nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về điều luật áp dụng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban T vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Chu Tiến T.

3. Về tiền án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại biên lai số 0008512 ngày 13-10-2021 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thế thu. Xác nhận chị L đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- VKSND Tỉnh Bắc giang;
- Chi cục THADS huyện Yên Thế;
- UBND xã ĐH, huyện Yên Thế;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án tối cao;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Trang